

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS CỦA HỌC VIÊN CẢI NGHIỆN MA TUÝ TẠI TRUNG TÂM CHỮA BỆNH - GIÁO DỤC - XÃ HỘI TỈNH HÀ NAM NĂM 2011

*Trần Đắc Phu**

TÓM TẮT

Nghiên cứu mô tả cắt ngang về kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống HIV/AIDS của 300 học viên (HV) cai nghiện ma túy thuộc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (gọi tắt là Trung tâm 06) tỉnh Hà Nam năm 2011 nhằm đưa ra biện pháp phòng chống HIV/AIDS có hiệu quả đối với nhóm đối tượng có hành vi nguy cơ cao là nghiện chích ma túy. Kết quả cho thấy: 31% HV hiểu biết cả 3 đường lây truyền HIV; 83% hiểu biết đầy đủ về các biện pháp phòng lây nhiễm HIV (sống chung thủy, dùng bao cao su (BCS), dùng bơm kim riêng khi tiêm chích); 89,6% có thái độ không phân biệt đối xử với người nhiễm HIV/AIDS; 10,4% cho rằng cần phải cách ly người nhiễm ra khỏi cộng đồng hoặc đưa vào trung tâm riêng biệt để điều trị. 95,5% đã từng quan hệ tình dục (QHTD). Tuổi trung bình QHTD lần đầu của HV là 19,95; QHTD khi ≤ 19 tuổi là 50,2%. 26,6% sử dụng BCS trong lần QHTD gần đây nhất; không sử dụng BCS 73,3%.

* Từ khóa: Nghiện ma túy; Phòng chống HIV/AIDS; Kiến thức; Thái độ; Thực hành; Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Xã hội; Hà Nam.

KNOWLEDGE, ATTITUDE AND PRACTICE ON PREVENTION HIV/AIDS OF TRAINEES AT SOCIAL - EDUCATION - TREATMENT CENTER IN HANAM PROVINCE, 2011

SUMMARY

The study on knowledge, attitude and practice (KAP) on preventing HIV/AIDS of trainees was conducted by description, cross - sectional method with 300 trainees in Social Labour - Education - Treatment Center (called Center 06) in Hanam province, in 2011. The objectives were aim at giving effective solution to prevent HIV/AIDS for drug users in high risk group. The results showed that there were only 31.0% of trainees who had comprehensive knowledge on three HIV transmissions. And about 83.0%, who had comprehensive knowledge on preventing HIV transmission (using condom, loyal living, using private injection needle). The rate of trainees had indiscriminated attitude with HIV/AIDS people was 89.6% and 10.4% thought that need to isolate HIV/AIDS or take them into Social Labour - Education - Treatment Center. The rate of trainees had sex about 95.5%. The average age for first sex was 19.95%. 50.2% of trainees had sex under 19 years old. The rate of using condom for last sex about 26.6% and 73.3% didn't use condom.

* *Key words: Drug; Prevention HIV/AIDS; Knowledge; Attitude; Practice; Social Labour - Education - Treatment Center; Hanam province.*

* *Cục Quản lý Môi trường Y tế - Bộ Y tế*

Phản biện khoa học: PGS. TS. Đoàn Huy Hậu

PGS. TS. Lê Văn Bào

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại tỉnh Hà Nam, tính đến ngày 16 - 02 - 2011, số người nhiễm HIV là 1.206 người, trong đó 639 chuyển sang giai đoạn AIDS và 395 người đã tử vong. Hình thái lây truyền chủ yếu qua đường tiêm chích ma túy (52,5%). Tính đến ngày 30 - 4 - 2010, toàn tỉnh có 1.283 người nghiện ma túy có hồ sơ kiểm soát, trong đó nam giới là 1.264 và nữ 19 người, do vậy nguy cơ lây nhiễm HIV trong nhóm này rất cao.

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm: *Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành về phòng, chống HIV/AIDS của HV cai nghiện ma túy tỉnh Hà Nam năm 2011.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu.

300 HV tại Trung tâm 06 tỉnh Hà Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu.

Nghiên cứu dịch tễ học mô tả, điều tra ngang thông qua biểu mẫu thu thập thông

tin thiết kế sẵn. Thời gian nghiên cứu: từ 4 - 2011 đến 10 - 2011.

Điều tra viên là cán bộ của Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Hà Nam.

** Xử lý và phân tích số liệu:* theo phương pháp thống kê ứng dụng trong y sinh học.

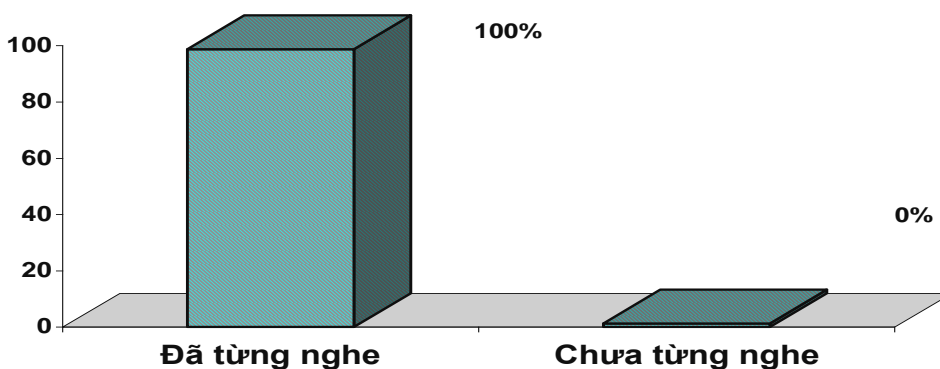
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Kiến thức về HIV/AIDS của HV cai nghiện.

** Nguồn thông tin HV nhận được về HIV/AIDS:*

Qua nói chuyện với bạn bè: 107 HV (35,6%); qua sách báo, tài liệu: 219 HV (73%); qua tờ rơi, pano: 178 HV (59,3%); qua đài phát thanh, truyền hình: 254 HV (84,6%); cán bộ y tế: 159 HV (53%); nhóm giáo dục đồng đẳng: 37 HV (12,3%); thầy, cô giáo: 49 HV (16,3%); đoàn thể: 39 (13%).

Như vậy, công tác thông tin, giáo dục, truyền thông trong phòng, chống HIV/AIDS tại tỉnh Hà Nam đã được đẩy mạnh với nhiều hình thức và nội dung phong phú.



Biểu đồ 1: Tỷ lệ HV đã từng nghe nói về HIV/AIDS.

100% HV cho biết đã từng được nghe nói hoặc được cung cấp thông tin về HIV/AIDS.

Bảng 1: Tỷ lệ HV có hiểu biết đúng về các đường lây truyền HIV.

TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN	ĐƯỜNG MÁU		ĐƯỜNG QHTD		ĐƯỜNG MẸ - CON		CẢ 3 ĐƯỜNG	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Tiểu học	12	12,2	8	10,3	6	19,4	8	8,6
Trung học cơ sở	50	51,0	52	66,7	18	58,1	30	32,2
Trung học phổ thông	34	34,7	15	19,2	5	16,1	40	43,0
Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	2	2,1	3	3,8	2	6,4	15	16,2
Tổng	98	100	78	100	31	100	93	100
%	32,7		26,0		10,3		31,0	

Mức độ hiểu biết về các đường lây truyền HIV chưa cao, 32,7% HV được hỏi trả lời đường máu là đường lây truyền HIV; đường QHTD: 26,0%; đường mẹ truyền sang con: 10,3%. 31,0% HV trả lời đúng cả 3 đường.

Bảng 2: Tỷ lệ HV có kiến thức đúng về các biện pháp phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS.

TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN	DÙNG BCS		SỐNG CHUNG THỦY		DÙNG BƠM KIM TIÊM RIÊNG		CẢ 3 BIỆN PHÁP	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Tiểu học	6	37,5	4	19,0	3	21,4	28	11,2
Trung học cơ sở	6	37,5	10	47,6	5	35,7	121	48,6
Trung học phổ thông	3	18,7	6	28,6	4	28,6	80	32,1
Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	1	6,3	1	4,8	2	14,3	20	8,0
Tổng	16	100	21	100	14	100	249	100
%	5,3		7,0		4,7		83,0	

83,0% HV cho rằng cần phải phối hợp cả 3 biện pháp phòng, chống lây nhiễm HIV, đó là: dùng BCS khi QHTD không an toàn, chung thủy một vợ một chồng và dùng riêng bơm kim tiêm khi tiêm chích.

** Hiểu biết sai lệch của HV về các đường không lây truyền HIV:*

13,0% cho rằng muỗi đốt có thể làm lây truyền HIV; ăn chung là 7,0% và 7,7% cho rằng nói chuyện có thể lây truyền HIV. Điều đó cho thấy mức độ hiểu biết về các đường

lây truyền HIV vẫn chưa được đầy đủ, mặc dù đã từng được nghe nói hoặc được cung cấp thông tin về HIV/AIDS.

** Hiểu biết của HV về những người dễ có khả năng bị lây nhiễm HIV:*

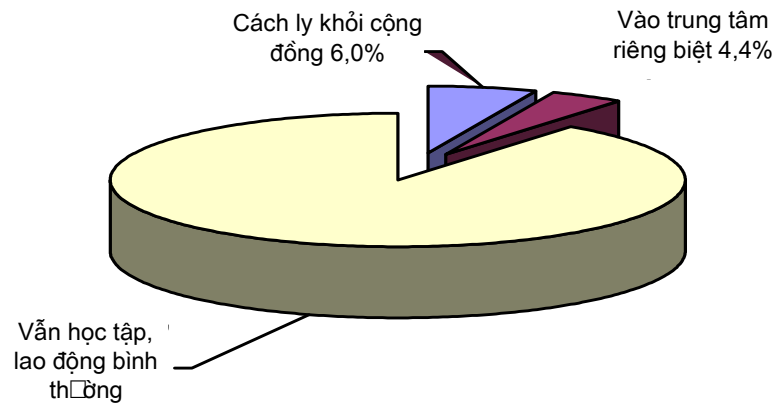
Người tiêm chích ma túy: 288 HV (96%); người mua dâm, bán dâm: 287 HV (95,7%); người làm nghề lái xe đường dài: 99 HV (33%); người QHTD đồng giới: 91 HV (30,3%); người bị viêm nhiễm đường sinh dục: 89 HV (29,7%); người thân chăm sóc người

nhiễm HIV/AIDS: 37 HV (12,3%); cán bộ y tế: 32 HV (10,7%).

* *Hiểu biết của HV về việc được giữ bí mật khi xét nghiệm HIV:*

Có được giữ bí mật: 252 HV (84%); không được giữ bí mật: 36 HV (12%); không biết: 12 HV (4%).

2. Thái độ về HIV/AIDS.



Biểu đồ 2: Thái độ đối với người nhiễm HIV.

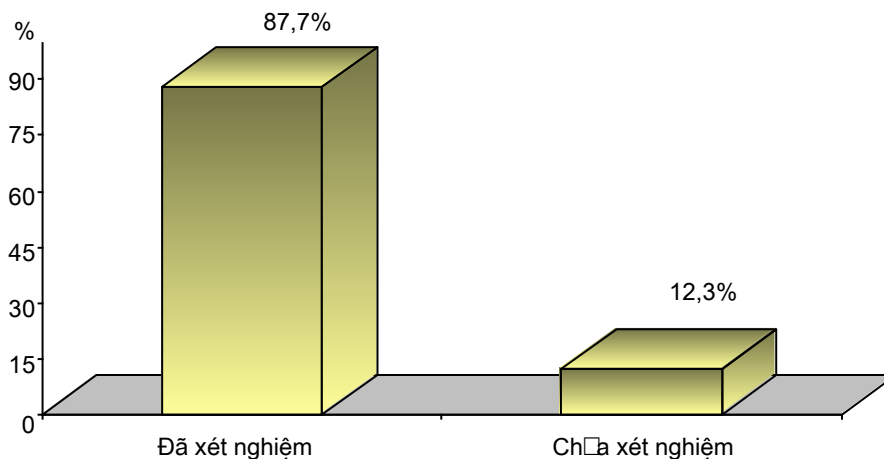
Thái độ kỳ thị với người nhiễm HIV vẫn tồn tại trong HV, 6,0% có thái độ kỳ thị đối với người nhiễm HIV, cho rằng phải cách ly họ ra khỏi cộng đồng; 4,4% cho rằng cần đưa những người nhiễm HIV vào trung tâm riêng biệt để điều trị. Kỳ thị và phân biệt đối xử đã làm giảm mong muốn của người nhiễm HIV tiết lộ tình trạng của họ, hạn chế việc tìm đến các dịch vụ y tế. Theo UNAIDS, sự kỳ thị là một rào cản lớn cho việc phòng, chống lây nhiễm HIV, gây ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ chăm sóc, hỗ trợ và điều trị.

3. Thực hành phòng chống HIV/AIDS.

Bảng 3: Sử dụng BCS trong lần QHTD gần nhất (n = 285).

NHÓM TUỔI	CÓ SỬ DỤNG BCS		KHÔNG SỬ DỤNG BCS	
	n	%	n	%
< 19 tuổi	1	1,3	6	2,8
20 - 24 tuổi	19	25,0	31	14,8
25 - 29 tuổi	30	39,5	51	24,4
30 - 34 tuổi	14	18,4	43	20,6
35 - 39 tuổi	7	9,2	45	21,6
40 - 44 tuổi	5	6,6	23	11,0
≥ 45 tuổi	0	0,0	10	4,8
Tổng	76	100	209	100
%	26,7		73,3	

Có sự khác nhau về QHTD không an toàn giữa các nhóm tuổi. Trong 285 HV có QHTD gần nhất được hỏi, 26,7% có sử dụng BCS và 73,3% không sử dụng BCS. Đây cũng là một trong những yếu tố làm tăng nguy cơ lây nhiễm HIV từ QHTD không an toàn.



Biểu đồ 3: Tỷ lệ HV đã xét nghiệm HIV.

87,7% HV đã xét nghiệm HIV, còn 12,3% tính đến thời điểm điều tra chưa xét nghiệm HIV. Kết quả trên cho thấy, việc phòng, chống HIV của HV còn hạn chế, mặc dù họ là những người có hành vi lây nhiễm HIV rất cao.

** Tỷ lệ dùng lại bơm kim tiêm của người khác khi tiêm chích ma túy (n = 263):*

Luôn luôn: 4 HV (1,5%); thỉnh thoảng: 57 HV (21,7%); không bao giờ: 202 HV (76,8%).

Đối tượng tiêm chích ma túy đã có nhận thức nhất định về nguy cơ lây nhiễm từ việc dùng chung bơm kim tiêm.

** Đối tượng dùng chung bơm kim tiêm khi tiêm chích ma túy:*

Vợ, người yêu: 5 HV (8,1%); bạn tình chưa quen biết: 11 HV (18%); bạn chích, chủ chích, người bán ma túy: 45 HV (73,7%).

73,7% đối tượng tiêm chích chung bơm kim tiêm với bạn chích, chủ chích, người bán ma túy. Việc dùng chung bơm kim tiêm

ở các đối tượng này là nguy cơ cao lây nhiễm HIV.

** Tỷ lệ làm sạch bơm kim tiêm khi dùng chung, dùng lại:*

Thường xuyên: 22 HV (39,3%); thỉnh thoảng: 30 HV (53,6%); không bao giờ: 4 HV (7,1%).

Số đối tượng không làm sạch bơm kim tiêm trước khi tiêm chích chiếm tỷ lệ lớn. Đây cũng là một trong những yếu tố làm tăng nguy cơ lây nhiễm HIV từ các bạn chích cho nhau.

** Phương pháp làm sạch bơm kim tiêm:*

Súc nước lạnh: 39 HV (69,6%); súc nước nóng: 14 HV (25%); khác: 3 HV (5,4%).

Việc làm sạch bơm kim tiêm không có khả năng khử khuẩn để ngăn ngừa các bệnh lây truyền qua đường máu, trong đó có HIV.

KẾT LUẬN

- Tỷ lệ HV có hiểu biết đúng về đường lây nhiễm HIV/AIDS: đường máu: 32,7%;

đường QHTD: 26,0%; đường mẹ - con: 10,3%; cả 3 đường trên là 31,0%.

- 83% HV có hiểu biết đầy đủ về các biện pháp phòng lây nhiễm HIV (chung thủy, dùng BCS, dùng bơm kim tiêm riêng).

- Tỷ lệ HV có hiểu biết sai lệch về các đường không lây truyền HIV: muỗi đốt: 13,0%; ăn chung: 7,0%; nói chuyện có thể lây truyền HIV: 7,7%.

- 89,6% HV có thái độ không phân biệt đối xử với người nhiễm HIV/AIDS; 10,4% cho rằng cần phải cách ly người nhiễm ra khỏi cộng đồng hoặc đưa vào trung tâm riêng biệt để điều trị.

- 26,6% có sử dụng BCS trong lần QHTD gần nhất, 73,3% không sử dụng BCS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đào Thị Minh An*. Thực trạng, nguy cơ lây nhiễm HIV và đề xuất mô hình tư vấn, xét nghiệm, chăm sóc HIV/AIDS cho HV tại Trung tâm Giáo dục - Lao động - Xã hội 1. Luận án Tiến sỹ Y học, Chuyên ngành: Vệ sinh học Xã hội và Tổ chức Y tế, Trường Đại học Y Hà Nội. 2006.

2. *Bộ Y tế*. Báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS 9 tháng năm 2010. Phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2011. 2010.

3. *Đinh Thị Nga và CS*. Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi liên quan đến lây nhiễm HIV/AIDS của người nghiện chích ma túy tại tỉnh Lâm Đồng. Các công trình NCKH về HIV/AIDS giai đoạn 2006 - 2010. Tạp chí Y học thực hành. 2009, số 742 + 743, tr.164-167.

4. *Hoàng Huy Phương và CS*. Tỷ lệ nhiễm HIV và nhận thức, thái độ, hành vi về HIV/AIDS của nhóm nghiện chích ma túy tỉnh Ninh Bình. Các công trình NCKH về HIV/AIDS giai đoạn 2006 - 2010, Tạp chí Y học thực hành. 2009, số 742 + 743, tr.127-131.

5. *Trương Tấn Minh và CS*. Điều tra kiến thức, thái độ, hành vi về phòng chống nhiễm HIV/AIDS và đánh giá tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trên nhóm nghiện chích ma túy tại Khánh Hòa. Các công trình NCKH về HIV/AIDS giai đoạn 2006 - 2010, Tạp chí Y học thực hành. 2009, số 742 + 743, tr.72-79.

6. *UNAIDS*. Peer education and HIV/AIDS: concepts, uses and challenges. Best Practice - Key Materia. 2000.

7. *Roeland Monasch, Mary Mahy*. Young people: Center of the HIV epidemic, Preventing HIV/AIDS in young people: a systematic review of the evidence from developing countries. WHO. Geneva. 2006.

